TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 54**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03/7/2019
V/v tranh chấp:" *Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 62/2019/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1980 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: khóm BĐ 3, phường BĐ, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Hữu T, sinh năm 1980

Địa chỉ: khóm BĐ 3, phường BĐ, thành phố LX, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H trình bày:* Chị và anh Đỗ Hữu T tự tìm hiểu, quen biết và đến năm 2003 cả hai tổ chức đám cưới và tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ

Bình vào ngày 17/10/2003. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T không có trách nhiệm với gia đình. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Do đó, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ly hôn với anh Đỗ Hữu T.

+ Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Ngọc Diễm S, sinh ngày 19/04/2004 sau khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phần trình bày của bị đơn anh Đỗ Hữu T: Vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết đối với vụ án nên không có ý kiến trình bày

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh Đỗ Hữu T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ H với anh Đỗ Hữu T, về quan hệ con chung Đỗ Ngọc Diễm S, sinh ngày 19/04/2004 hiện con chung đang được chị H nuôi dưỡng ổn định nên chấp nhận yêu cầu của chị H sau khi ly hôn giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và chị H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.Về quan hệ tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của vị Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Đỗ Hữu T mặc dù được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Chị Trần Thị Mỹ H khởi kiện xin ly hôn với anh Đỗ Hữu T đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến trình bày tại phiên tòa, chị Trần Thị Mỹ H có ý kiến trình bày chị và anh Đỗ Hữu T tự quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp giấy kết hôn ngày 17/10/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T không có trách nhiệm với gia đình và có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng.

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh Đỗ Hữu T được tống đạt các văn bản nhưng anh T không đến Tòa án cũng như không có ý kiến đối với việc chị H xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc sống hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện chị H không đồng ý tiếp tục chung sống cùng với anh T, còn anh T không có ý kiến trình bày, hôn nhân giữa chị H với anh T không còn tồn tại trên thực tế từ năm 2016 cho đến nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ H và anh Đỗ Hữu T.

[4] *Về con chung:* Nguyên đơn chị H trình bày và cung cấp giấy khai sinh thể hiện giữa chị H và anh T chung sống với nhau có 01 con chung tên Đỗ Ngọc Diễm S, sinh ngày 19/04/2004. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu S chưa thành niên và đang được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp, cuộc sống của cháu đã ổn định. Vì vậy, nhằm ổn định cuộc sống của cháu S không bị ảnh hưởng tâm sinh lý của việc cha, mẹ ly hôn nên chị H yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung là chính đáng và anh T không có ý kiến phản đối với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị H nên yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị H là có cơ sở và phù hợp với nguyện vọng của cháu Sương tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 05/4/2019 mong muốn sống cùng với mẹ nên được Hội đồng xét xử chấp thuận. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh T không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định, tuy nhiên chị H xác định không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị H trình bày không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 232; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ H đối với anh Đỗ Hữu T

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ H với anh Đỗ Hữu T

2. *Về nuôi con chung:*

2.1. Sau khi ly hôn giao con chung cháu Đỗ Ngọc Diễm S, sinh ngày 19/04/2004 cho chị Trần Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành.

2.2. Anh Đỗ Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không có yêu cầu

2.3. Chị Trần Thị Mỹ H phải tạo điều kiện cho anh T trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng và nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm:*

4.1. Chị Trần Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002670 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày 14/02/2019. Chị Trần Thị Mỹ H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2. Anh Đỗ Hữu T không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Chị Trần Thị Mỹ H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, anh Đỗ Hữu T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ;VP.

Trịnh Ngọc Thúy